

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ- ST
Ngày 31 - 8 - 2017
“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

Bà Nguyễn Thị Kim Luyến.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2017/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979, có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Thôn K, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc,

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1984, có mặt.

Trú tại: Thôn Y, xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 5 năm 2017, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh C đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại UBND xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh C tại xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thường xuyên đi làm vắng nhà, về nhà cũng không quan tâm đến chị và con, nên chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau đó chị lại quay lại sống cùng anh C, nhưng vợ chồng vẫn sống

không hạnh phúc, tháng 7 năm 2015 chị đưa con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn K, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian sống ly thân chị và anh C đều không quan tâm đến nhau và không có hướng để đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh C không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thành L, sinh ngày 17/6/2012. Hiện cháu L đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ chị. Ly hôn, quan điểm của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L và chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm 03 đến 04 sào ruộng, ngoài ra chị còn đi làm thuê xây dựng thu nhập trung bình 6.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Đặng Văn C trình bày: Anh xác nhận quá trình kết hôn và chung sống như chị M trình bày là đúng. Thời gian đầu anh chị chung sống bình thường, đến năm 2014 nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M vợ chồng cứ cãi nhau lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, do đó mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 7 năm 2015 chị M mang con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, còn anh vẫn sinh sống cùng gia đình anh tại Thôn Y, xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian sống ly thân anh và chị M đều không quan tâm đến nhau và không có hướng để đoàn tụ. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án cho anh và chị M ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định anh và chị M có 01 con chung như chị M trình bày, từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay cháu L ở cùng chị M. Ly hôn quan điểm của anh là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L và anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, hiện anh đang làm xây dựng thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thành L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh Đặng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M; anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 22 tháng 5 năm 2017 chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: Thôn K, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Văn C, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Thôn Y, xã C, thị xã P, Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa các đương sự đều có mặt.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M với anh Đặng Văn C Hội đồng xét xử thấy: Chị M và anh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2011 tại UBND xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong vụ án này chị M và anh C đều xác nhận năm 2014 chị M và anh C bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, chị M đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị M và anh C mâu thuẫn là do trong cuộc sống anh chị không có tiếng nói chung, chị M cho rằng anh C thường xuyên đi làm ăn xa về nhà không quan tâm đến hai mẹ con chị, còn anh C cho rằng vợ chồng cứ cãi nhau là chị M lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị M và anh C đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay, mà hai bên vẫn không có hướng đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của ông Lê Khắc V bố của chị M cho thấy trong quá trình chung sống chị M và anh C có nhiều mâu thuẫn, chị M đã không sinh sống cùng anh C từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh C đã

không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M và anh C đều thống nhất ly hôn nhau, xét thấy sự thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị M và anh C có 01 con chung là Đặng Thành L, sinh ngày 17/6/2012, hiện nay cháu L đang ở cùng chị M. Ly hôn chị M và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị M và anh C là tự nguyện và chính đáng, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Từ lúc anh C và chị M sống ly thân từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay, cháu L vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị M tại nhà bố mẹ đẻ của chị M. Chị M đang ở cùng bố mẹ chị có chỗ ở ổn định, chị đang làm ruộng ngoài ra chị còn làm thêm thu nhập khoảng 06 triệu đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con. Nên ly hôn cần tiếp tục giao cháu L cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thành L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh Đặng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M; anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thành L, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh Đặng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M; anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0003300 ngày 23 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên; chị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lưu Thị Thúy